

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế soạn thảo và ban hành
văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 812/1999/QĐ-BKHCNMT ngày 06 tháng 5 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về việc ban hành Quy chế soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 1249/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật sau khi được ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để biết);
- Lưu: VT, PC.



Huỳnh Thành Đạt



QUY CHẾ

Soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2785~~ 2785/QĐ-BKHCN

ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục lập đề nghị, soạn thảo, thẩm định, ban hành, hợp nhất và xây dựng kế hoạch triển khai văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. VBQPPL quy định tại Quy chế này bao gồm các văn bản được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật Ban hành VBQPPL), cụ thể:

- a) Luật, nghị quyết của Quốc hội;
- b) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- c) Nghị định của Chính phủ;
- d) Nghị quyết liên tịch của Chính phủ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Nghị quyết liên tịch);
- đ) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- e) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước (Thông tư liên tịch).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập đề nghị, soạn thảo, thẩm định, ban hành, hợp nhất và xây dựng kế hoạch triển khai VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ trưởng chỉ đạo chung về công tác xây dựng, ban hành VBQPPL của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, ban hành VBQPPL của đơn vị được phân công chủ trì xây dựng VBQPPL (đơn vị chủ trì) theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

Đối với những vấn đề có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc các trường hợp cần thiết khác, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chủ trì báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng.

Điều 4. Phê duyệt, phân công đơn vị chủ trì

1. Bộ trưởng ban hành quyết định phê duyệt Danh mục VBQPPL soạn thảo hằng năm (Danh mục) và phân công đơn vị chủ trì.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quyết định phê duyệt Danh mục.

Điều 5. Yêu cầu chung đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc xây dựng VBQPPL có quy định điều kiện đầu tư kinh doanh phải bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư.

2. Việc xây dựng VBQPPL có quy định về thủ tục hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Việc xây dựng văn bản quy định chi tiết (nếu có) phải xác định cụ thể khi trình dự thảo VBQPPL và ban hành để có hiệu lực đồng thời với văn bản được quy định chi tiết.

Chương II

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SOẠN THẢO HẰNG NĂM

Điều 6. Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Trước ngày 01/10 hằng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ gửi Vụ Pháp chế đề xuất xây dựng VBQPPL theo Mẫu số 1 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này, bao gồm:

a) Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và nghị định (thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành VBQPPL);

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch.

Đối với văn bản được giao đột xuất hoặc cần xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 146 Luật Ban hành VBQPPL, các đơn vị phối hợp với Vụ Pháp chế báo cáo Lãnh đạo Bộ quyết định ngay khi nhận được văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trường hợp các tổ chức, cá nhân gửi kiến nghị xây dựng VBQPPL đến Vụ Pháp chế hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xem xét, tổng hợp các kiến nghị để báo cáo Bộ trưởng đưa vào Danh mục.

Điều 7. Rà soát đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế tổng hợp đề xuất xây dựng VBQPPL của các đơn vị trực thuộc Bộ và rà soát sự phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp đề xuất xây dựng VBQPPL không đầy đủ thông tin, Vụ Pháp chế đề nghị đơn vị bổ sung để làm rõ các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất.

Điều 8. Xây dựng và thực hiện Danh mục

1. Vụ Pháp chế xây dựng dự thảo, trình Bộ trưởng phê duyệt và theo dõi việc thực hiện Danh mục như sau:

a) Rà soát đề xuất xây dựng VBQPPL, xây dựng dự thảo Danh mục theo Mẫu số 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này và lấy ý kiến các đơn vị trực thuộc Bộ trước ngày 25/10 hằng năm.

Trường hợp cần thiết, báo cáo Thứ trưởng phụ trách Vụ Pháp chế và tổ chức cuộc họp với các đơn vị trực thuộc Bộ để thống nhất dự thảo Danh mục;

b) Xin ý kiến của các Thứ trưởng về dự thảo Danh mục và phối hợp với Văn phòng Bộ, các đơn vị có liên quan hoàn thiện, trình Bộ trưởng xem xét, ban hành Danh mục trước ngày 31/12 hằng năm;

c) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo văn bản thông qua Phần mềm quản lý xây dựng văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ (EMOST), xây dựng báo cáo tiến độ soạn thảo văn bản hàng tuần, báo cáo Lãnh đạo Bộ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Danh mục và trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục (nếu có).

2. Các đơn vị chủ trì có trách nhiệm:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành VBQPPL, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

b) Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản được phân công chủ trì theo Quy định quản trị, vận hành và sử dụng Phần mềm EMOST ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-BKHCN ngày 28/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Điều chỉnh Danh mục

1. Việc điều chỉnh Danh mục được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Đưa văn bản ra khỏi Danh mục;
- b) Thay đổi thời gian trình văn bản;
- c) Bổ sung vào Danh mục các nhiệm vụ xây dựng VBQPPL được giao đột xuất.

2. Trường hợp đề nghị đưa văn bản ra khỏi Danh mục hoặc lùi thời gian trình văn bản, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ báo cáo Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực về lý do, giải pháp và kế hoạch triển khai tiếp theo ít nhất 01 tháng trước thời gian phải trình văn bản theo Danh mục.

Đối với các văn bản được giao tại các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc điều chỉnh phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ xây dựng văn bản.

3. Việc đề xuất bổ sung VBQPPL vào Danh mục được thực hiện như đề xuất soạn thảo VBQPPL.

4. Vụ Pháp chế tổng hợp, có ý kiến về các đề xuất điều chỉnh và báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục trước ngày 25 của tháng cuối quý hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

Chương III

LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 10. Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

1. Việc xây dựng luật, pháp lệnh phải được lập đề nghị để trình Chính phủ thông qua và đề xuất đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

2. Đơn vị chủ trì tổng kết thi hành pháp luật (theo Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này) hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan, xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động chính sách và chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành VBQPPL.

3. Việc xây dựng nội dung chính sách và đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

4. Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có nội dung sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh, dự thảo tờ trình và báo cáo đánh giá tác động chính sách có thêm những nội dung sau đây:

a) Điều kiện đầu tư kinh doanh dự kiến sửa đổi, bổ sung (nêu rõ tên ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện);

b) Sự cần thiết, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh phù hợp với quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư;

c) Căn cứ sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh và đối tượng phải tuân thủ;

d) Đánh giá tính hợp lý, khả thi của việc sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh và sự phù hợp với điều ước quốc tế về đầu tư;

đ) Đánh giá tác động của việc sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của các đối tượng phải tuân thủ.

Điều 11. Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

1. Việc lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Ban hành VBQPPL và Điều 10, Điều 11 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực trước khi gửi lấy ý kiến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Sau khi được Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực đồng ý, đơn vị chủ trì gửi Vụ Pháp chế dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật hoặc Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến nhân dân ít nhất 30 ngày trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định, trừ trường hợp soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có đề xuất sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh, dự thảo đề nghị phải được lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 12. Gửi thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

Đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo Mẫu số 6 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Ban hành VBQPPL và dự thảo văn bản trình Bộ trưởng ký gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định theo Mẫu số 7 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

1. Sau khi nhận được công văn thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và báo cáo Bộ trưởng để ký trình Chính phủ chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày tổ chức phiên họp của Chính phủ.

Hồ sơ trình Chính phủ gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Ban hành VBQPPL.

2. Trên cơ sở nghị quyết của Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trình Bộ trưởng để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp trước ngày 20/12 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Điều 14. Lập đề nghị xây dựng nghị định

1. Việc xây dựng các nghị định quy định tại khoản 2, 3 Điều 19 Luật Ban hành VBQPPL phải lập đề nghị để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Ban hành VBQPPL. Nội dung và đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị định thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trường hợp nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh thì phải bảo đảm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

2. Đơn vị chủ trì lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 86 Luật Ban hành VBQPPL và Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Đơn vị chủ trì nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý, phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định để trình Bộ trưởng gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Ban hành VBQPPL.

4. Trên cơ sở nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định trình Bộ trưởng ký trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, thông qua theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 89 Luật Ban hành VBQPPL.

Chương IV

SOẠN THẢO, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH, HỢP NHẤT VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục 1

TỔ CHỨC SOẠN THẢO

Điều 15. Tổ chức soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Việc soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết được thực hiện thông qua Ban soạn thảo và Tổ biên tập theo quy định tại các Điều 52, 53, 54 và Điều 55 Luật Ban hành VBQPPL và các Điều 25, 26, 27 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Đơn vị chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quyết định thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập theo Mẫu số 4 và số 5 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 16. Tổ chức soạn thảo nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch

Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì dự thảo quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập theo mẫu quy định tại Điều 15 Quy chế này trình Bộ trưởng xem xét, quyết định, trong đó:

1. Ban soạn thảo nghị định, Tổ biên tập quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm Trưởng ban/Tổ trưởng là Lãnh đạo Bộ và các thành viên khác là lãnh đạo đơn vị chủ trì, đại diện của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Vụ Pháp chế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

2. Tổ biên tập thông tư gồm Tổ trưởng là lãnh đạo đơn vị chủ trì và các thành viên khác là đại diện Vụ Pháp chế, đại diện các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;

3. Tổ biên tập thông tư liên tịch do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì gồm Tổ trưởng là Lãnh đạo Bộ hoặc lãnh đạo đơn vị chủ trì và các thành viên là đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao/Toà án nhân dân tối cao/Kiểm toán nhà nước, đại diện Vụ Pháp chế, đại diện các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 17. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

1. Thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ quốc hội, Chủ tịch nước.

2. Thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng ban hành thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 18. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì gửi lấy ý kiến các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan đến dự thảo VBQPPL để hoàn thiện trước khi lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Bộ. Thủ trưởng đơn vị được đề nghị tham gia ý kiến chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm gửi ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị.

Trường hợp dự thảo thông tư của Bộ trưởng có quy định thủ tục hành chính được giao trong luật, đơn vị chủ trì gửi lấy ý kiến của Văn phòng Bộ về thủ tục hành chính đó.

2. Đơn vị chủ trì trình Lãnh đạo Bộ ký công văn gửi lấy ý kiến:

a) Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo VBQPPL theo quy định tại Điều 6, Điều 57, Điều 91, điểm d khoản 2 Điều 97, khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 110 Luật Ban hành VBQPPL;

b) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp;

c) Bộ Công an về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự đối với dự thảo VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến an ninh, trật tự;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có đề xuất sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh;

đ) Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) đối với thủ tục hành chính quy định trong dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Việc lấy ý kiến về thủ tục hành chính trong dự thảo VBQPPL thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 06/8/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Đơn vị chủ trì gửi Vụ Pháp chế bản điện tử của dự thảo VBQPPL để đăng tải trên Cổng thông tin của Chính phủ và của Bộ lấy ý kiến nhân dân trong thời hạn ít nhất 60 ngày, trừ trường hợp soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Điều 19. Tổng hợp, tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị, các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp không

tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị chủ trì phải có giải trình cụ thể.

2. Sau khi chỉnh lý dự thảo VBQPPL theo quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực, đặc biệt là những văn bản có nội dung phức tạp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực còn những vấn đề có ý kiến khác nhau. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài Bộ.

3. Đối với những dự thảo VBQPPL được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ văn bản trả lời ý kiến phản biện xã hội gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 20. Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

Đối với các VBQPPL đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, việc soạn thảo và ban hành thực hiện theo quy định tại Điều 148 và Điều 149 Luật Ban hành VBQPPL.

Mục 2

THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21. Gửi thẩm định luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế chuẩn bị hồ sơ dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và dự thảo văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 7 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này trình Bộ trưởng ký gửi Bộ Tư pháp.

2. Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định bao gồm:

- a) Tờ trình Chính phủ về dự thảo văn bản;
- b) Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch;
- c) Báo cáo về rà soát các VBQPPL có liên quan;
- d) Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết;
- đ) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ;
- e) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản;
- g) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản (nếu dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới);

h) Văn bản phản biện xã hội (nếu dự thảo đã được Mặt trận tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội);

i) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b của khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

3. Đối với dự thảo nghị định, hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định;

b) Dự thảo nghị định;

c) Báo cáo về rà soát các VBQPPL có liên quan;

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành VBQPPL hoặc nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành VBQPPL;

đ) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

e) Bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính);

g) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới);

h) Văn bản phản biện xã hội (nếu dự thảo đã được Mặt trận tổ quốc thực hiện phản biện xã hội);

i) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b của khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

4. Đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về dự thảo quyết định;

b) Dự thảo quyết định;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo quyết định;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính);

e) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới);

g) Văn bản phản biện xã hội (nếu dự thảo đã được Mặt trận tổ quốc thực hiện phản biện xã hội);

h) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b của khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

Điều 22. Thẩm định thông tư và thông tư liên tịch

1. Đơn vị chủ trì xây dựng hồ sơ theo quy định và gửi Vụ Pháp chế đề nghị thẩm định, bao gồm:

a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư, thông tư liên tịch;

b) Dự thảo thông tư, thông tư liên tịch;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư, thông tư liên tịch (nếu có);

đ) Bản đánh giá tác động tác động thủ tục hành chính (nếu dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội);

e) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới);

g) Văn bản phản biện xã hội (nếu dự thảo đã được Mặt trận tổ quốc thực hiện phản biện xã hội);

h) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b của khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Trường hợp hồ sơ gửi thẩm định không đáp ứng yêu cầu quy định, trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị đơn vị chủ trì bổ sung hồ sơ.

3. Trường hợp cần làm rõ nội dung dự thảo thông tư, thông tư liên tịch, Vụ Pháp chế đề nghị đơn vị chủ trì cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến dự thảo văn bản hoặc đề nghị giải trình để phục vụ cho việc thẩm định.

4. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư, thông tư liên tịch do các đơn vị gửi đến trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc (05 ngày làm việc đối với văn bản soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Việc thẩm định được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Vụ Pháp chế phân công lãnh đạo và chuyên viên thẩm định dự thảo thông tư, thông tư liên tịch theo quy định;

b) Đối với các dự thảo thông tư, thông tư liên tịch có nội dung phức tạp, có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Vụ Pháp chế chủ trì, Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Thành phần Hội đồng bao gồm: đại diện Vụ Pháp chế, đại diện đơn vị chủ trì, đại diện một số cơ quan, đơn vị có liên quan để phục vụ cho việc thẩm định dự thảo thông tư, thông tư liên tịch. Trong đó, đại diện của Vụ Pháp chế không quá 1/3 tổng số thành viên.

5. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 102 Luật Ban hành VBQPPL.

Mục 3

HOÀN THIỆN, TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN DỰ THẢO LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT, NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH, NGHỊ ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 23. Hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, các đơn vị có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định, trình Bộ trưởng xem xét để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

1. Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch trình Chính phủ gồm:

a) Tờ trình về dự thảo văn bản;

b) Dự thảo văn bản đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

c) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

d) Báo cáo về rà soát các VBQPPL có liên quan đến dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án (nếu dự án có quy định thủ tục hành chính);

e) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án (nếu dự án có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới);

g) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;

h) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c của khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Hồ sơ dự thảo nghị định trình Chính phủ gồm:

- a) Tờ trình về dự thảo nghị định;
- b) Dự thảo nghị định đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- c) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- d) Báo cáo về rà soát các VBQPPL có liên quan đến dự thảo;
- đ) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị định;
- e) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo (nếu dự thảo có quy định thủ tục hành chính); báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo (nếu dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới);
- g) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành VBQPPL hoặc nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành VBQPPL;
- h) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c Khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

3. Hồ sơ dự thảo quyết định trình Thủ tướng Chính phủ gồm:

- a) Tờ trình về dự thảo quyết định;
- b) Dự thảo quyết định đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- c) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo quyết định;
- đ) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- e) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

Điều 24. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Bộ trưởng xem xét, ký trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hồ sơ dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định, quyết định của

Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý được gửi đến Bộ Tư pháp khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi tình hình sau khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền để báo cáo Lãnh đạo Bộ, hoàn thiện dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Mục 4

HOÀN THIỆN, TRÌNH BỘ TRƯỞNG DỰ THẢO THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Điều 25. Xin ý kiến các Thứ trưởng về dự thảo thông tư, thông tư liên tịch

1. Trên cơ sở công văn thẩm định của Vụ Pháp chế, đơn vị chủ trì hoàn thiện dự thảo thông tư, thông tư liên tịch gửi xin ý kiến các Thứ trưởng trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.

Hồ sơ gửi xin ý kiến các Thứ trưởng gồm:

- a) Dự thảo tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư, thông tư liên tịch;
- b) Dự thảo văn bản đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định;
- c) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;
- d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, tổ chức, cá nhân.

2. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo VBQPPL, các Thứ trưởng cho ý kiến đối với dự thảo VBQPPL.

3. Đơn vị chủ trì giải trình, tiếp thu ý kiến các Thứ trưởng để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo VBQPPL trước khi trình Bộ trưởng.

Điều 26. Trình Bộ trưởng ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch

1. Đơn vị chủ trì xây dựng hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch theo quy định, bao gồm:

- a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư, thông tư liên tịch, trong đó có nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thứ trưởng;
- b) Dự thảo thông tư, thông tư liên tịch đã được chỉnh lý;
- c) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo;

đ) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư, thông tư liên tịch (nếu có), bản đánh giá tác động thủ tục hành chính (nếu dự thảo thông tư, thông tư liên tịch có quy định thủ tục hành chính);

e) Dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính quy định trong dự thảo (nếu dự thảo thông tư, thông tư liên tịch có quy định thủ tục hành chính);

g) Dự thảo văn bản hợp nhất (đối với văn bản sửa đổi, bổ sung);

h) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các khoản a, b và c Điều này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của đơn vị chủ trì, Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ có trách nhiệm rà soát dự thảo thông tư, thông tư liên tịch và ký đồng trình Bộ trưởng.

Trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa các đơn vị về dự thảo thông tư, thông tư liên tịch, Vụ Pháp chế chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thống nhất ý kiến trước khi trình Bộ trưởng. Căn cứ vào ý kiến tại cuộc họp này, đơn vị chủ trì chính lý, hoàn thiện dự thảo thông tư, thông tư liên tịch trình Bộ trưởng.

Mục 5

PHÁT HÀNH, HỢP NHẤT VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 27. Phát hành, đăng Công báo, đăng tải và đưa tin về VBQPPL đã được ban hành

1. Phát hành thông tư, thông tư liên tịch:

a) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày VBQPPL được Bộ trưởng ký ban hành, đơn vị chủ trì chuyển Văn phòng Bộ 02 (hai) bản giấy của thông tư đã được ký để vào sổ thông tư, đóng dấu; đồng thời gửi kèm theo bản điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản điện tử so với bản giấy của thông tư, thông tư liên tịch;

b) Văn phòng Bộ vào sổ thông tư, thông tư liên tịch, đóng dấu, lưu trữ, nhân bản, gửi thông tư, thông tư liên tịch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân được nêu tại phần “Nơi nhận” của văn bản và gửi ít nhất 01 bản đã ký cho đơn vị chủ trì.

2. Đăng Công báo, đăng tải và đưa tin: Trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng Bộ có trách nhiệm gửi thông tư, thông tư liên tịch đến Văn phòng Chính phủ để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (trừ VBQPPL có chứa bí mật nhà nước) và Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp), Vụ Pháp chế để kiểm tra theo quy định.

Đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ trong việc ra thông cáo báo chí đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết và các VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Vụ Pháp chế đăng tải toàn văn thông tư, thông tư liên tịch trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản điện tử do đơn vị chủ trì cung cấp.

Điều 28. Công bố điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Đối với luật, pháp lệnh, nghị định có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, đơn vị chủ trì có trách nhiệm trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 12 và Điều 18 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư để công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Thời hạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày luật, pháp lệnh, nghị định được ban hành.

Điều 29. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của VBQPPL, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện, hoàn thiện dự thảo văn bản hợp nhất với văn bản VBQPPL được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Pháp lệnh hợp nhất VBQPPL, đảm bảo tính chính xác về nội dung và kỹ thuật để trình Bộ trưởng ký xác thực văn bản hợp nhất, cụ thể:

a) Đối với VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản do Văn phòng Chính phủ gửi, đơn vị chủ trì hoàn thành việc hợp nhất và trình Bộ trưởng ký xác thực;

b) Đối với thông tư, thông tư liên tịch: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, đơn vị chủ trì hoàn thành việc hợp nhất và trình Bộ trưởng ký xác thực.

2. Sau khi văn bản hợp nhất VBQPPL được Bộ trưởng ký xác thực, việc đăng văn bản hợp nhất trên Cổng báo điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Cổng thông tin điện tử của Bộ được thực hiện như sau:

a) Đối với VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: đơn vị chủ trì gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Bộ để gửi Văn phòng Chính phủ đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và gửi Vụ Pháp chế bản điện tử (chụp bản gốc đã được ký, đóng dấu) để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày Bộ trưởng ký xác thực;

b) Đối với thông tư, thông tư liên tịch: ngay sau khi Bộ trưởng ký xác thực, đơn vị chủ trì gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Bộ để gửi đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và gửi Vụ Pháp chế bản điện tử để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 30. Kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết và triển khai văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua và 07 ngày kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành, đơn vị chủ trì lập danh mục văn bản quy định chi tiết theo Mẫu số 8 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này và gửi Bộ Tư pháp.

2. Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày VBQPPL được ban hành, đơn vị chủ trì văn bản phối hợp với Vụ Pháp chế, các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai VBQPPL theo Mẫu số 09 của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt và triển khai thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Bảo đảm nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức, kinh phí hỗ trợ, phương tiện làm việc, thông tin, các điều kiện cần thiết khác cho việc chuẩn bị, soạn thảo, tham gia ý kiến, thẩm định, ban hành VBQPPL, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, ban hành VBQPPL.

Điều 32. Kinh phí hỗ trợ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Danh mục là cơ sở để phân bổ kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng VBQPPL của Bộ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng, ban hành VBQPPL hằng năm của Bộ theo quy định.

3. Các đơn vị được hỗ trợ kinh phí xây dựng VBQPPL có trách nhiệm sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo chế độ tài chính theo quy định.

4. Văn phòng Bộ có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc sử dụng và quyết toán kinh phí.

Điều 33. Đánh giá công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Hàng năm, Vụ Pháp chế thực hiện đánh giá tình hình xây dựng VBQPPL trong 06 tháng đầu năm (trước ngày 30/6) và cả năm (trước ngày 30/11) để báo cáo Lãnh đạo Bộ hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 34. Khen thưởng

1. Tiến độ soạn thảo, chất lượng xây dựng, ban hành VBQPPL là một trong các căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các cá nhân, đơn vị trực thuộc Bộ.

2. Căn cứ vào kết quả xây dựng, ban hành VBQPPL, Vụ Pháp chế phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng và các đơn vị có liên quan đề nghị Lãnh đạo Bộ khen thưởng các đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **2785**/QĐ-BKHCN
ngày **30** tháng **12** năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ)

- Mẫu số 1:** Đề xuất xây dựng văn bản của các đơn vị
- Mẫu số 2:** Quyết định của Bộ trưởng phê ban hành Danh mục các văn bản soạn thảo hàng năm
- Mẫu số 3:** Báo cáo tổng kết
- Mẫu số 4:** Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập
- Mẫu số 5:** Quyết định thành lập Tổ biên tập (trường hợp không thành lập Ban soạn thảo)
- Mẫu số 6:** Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý
- Mẫu số 7:** Công văn đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định
- Mẫu số 8:** Dự kiến văn bản quy định chi tiết
- Mẫu số 9:** Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai văn bản quy phạm pháp luật

Mẫu số 01. Đề xuất xây dựng văn bản của các đơn vị

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề xuất xây dựng VBQPPL năm

Kính gửi: Vụ Pháp chế

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao/yêu cầu thực tiễn, ...(1)... dự kiến danh mục đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (luật/pháp lệnh/ng nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội/ng nghị định của Chính phủ/quyết định của Thủ tướng Chính phủ/thông tư/thông tư liên tịch) như sau:

STT	Hình thức và tên	Căn cứ ban hành, sự cần thiết ban hành (bao gồm cả căn cứ xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn nếu có)	Nội dung chính của văn bản	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Cấp trình	Thời gian trình (tháng)	Lãnh đạo đơn vị/ chuyên viên phụ trách	Ghi chú (có quy định TTHC nào; các cơ quan, đơn vị phối hợp; v.v...)
1								
2								
...								

(Danh mục đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có thể được lập thành phụ lục gửi kèm theo công văn)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: ...

.....(2).....

(1) Tên đơn vị đề xuất

(2) Thẩm quyền và tên người ký văn bản

Mẫu số 2. Quyết định của Bộ trưởng ban hành Danh mục các văn bản soạn thảo hàng năm

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục các văn bản soạn thảo năm

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các văn bản soạn thảo năm

Điều

Điều

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

-

- Lưu:

BỘ TRƯỞNG

Danh mục các văn bản soạn thảo năm của Bộ Khoa học và Công nghệ
(Kèm theo Quyết định số ngày .../.../..... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên đơn vị

STT	Tên văn bản	Cấp trình	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Lãnh đạo đơn vị /chuyên viên phụ trách	Căn cứ ban hành
Tháng					
1					
2					
Tháng					
3					
...					

2. Tên đơn vị

STT	Tên văn bản	Cấp trình	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Lãnh đạo đơn vị /chuyên viên phụ trách	Căn cứ ban hành
Tháng ...					
1					
2					
Tháng					
3					
...					

Mẫu số 3. Báo cáo tổng kết

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-BKHCN

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO
Tổng kết ... (1) ...

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ... (1) ...

1. Về hệ thống quy phạm pháp luật (tính đầy đủ, đồng bộ, v.v...)

a) Ở Trung ương

....

b) Ở Địa phương

....

2. Về tác động đối với quản lý nhà nước; phát triển kinh tế, xã hội

a) Ở Trung ương

....

b) Ở Địa phương

....

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ NGUYÊN NHÂN

....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

....

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG

(1) Việc thi hành văn bản được tổng kết hoặc thực trạng quan hệ xã hội liên quan

Mẫu số 4. Quyết định thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: /QĐ-BKHCN*Hà Nội, ngày tháng năm 20...***QUYẾT ĐỊNH****Về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập**

..... (1)

BỘ TRƯỞNG**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ;

Theo đề nghị của (2) và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập ... (1) ...

Danh sách thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban soạn thảo và Tổ biên tập

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Ban soạn thảo và Tổ biên tập có trách nhiệm phối hợp với đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, các đơn vị có liên quan triển khai việc soạn thảo ... (1) ... theo tiến độ.

3. Ban soạn thảo và Tổ biên tập tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. (2) Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 3;

-;

- Lưu: ...

BỘ TRƯỞNG

PHỤ LỤC I DANH SÁCH BAN SOẠN THẢO

..... (1)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày / /20... của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Ông (bà), Chức vụ..... - Trưởng ban.
2. Ông (bà), Chức vụ..... - Phó Trưởng ban.
3. Ông (bà), Chức vụ..... - Thành viên.
4.

PHỤ LỤC II DANH SÁCH TỔ BIÊN TẬP

..... (1)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- BKHCN ngày / /20... của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Ông (bà), Chức vụ - Tổ trưởng.
2. Ông (bà), Chức vụ - Phó Tổ trưởng.
3. Ông (bà), Chức vụ - Thành viên.
4.

(1) Tên VBQPPL

(2) Chức danh của thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo VBQPPL

Mẫu số 5. Quyết định thành lập Tổ biên tập (trường hợp không thành lập Ban soạn thảo)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Tổ biên tập ... (1) ...

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ;

Theo đề nghị của (2) và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ biên tập ... (1) ... gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1....

Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ biên tập

1. Tổ biên tập có nhiệm vụ xây dựng ... (1) ... đảm bảo chất lượng và tiến độ trình Bộ trưởng.

2. Tổ biên tập tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ biên tập tự giải thể sau khi ... (1) ... ký ban hành.

3. (2) Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 3;

-;

- Lưu: ...

BỘ TRƯỞNG

(1) Tên văn bản;

(2) Chức danh của thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo VBQPPL

.....(1).....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CÁC Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN/DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

..... (2)

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	Bộ...		
2	UBND tỉnh...		
3.			
...			

(1) Tên đơn vị chủ trì đối với trường hợp soạn thảo thông tư, thông tư liên tịch do Bộ chủ trì, các trường hợp khác để trống

(2) Tên văn bản

Mẫu số 7. Công văn đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BKHCN-...(1)...

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

V/v đề nghị thẩm định(2).....

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Chương trình công tác năm của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai xây dựng ...(2)... theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày ... tháng ... năm, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số .../QĐ-BKHCN thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập ...(2)... với sự tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, đại diện của các Bộ, ngành và các chuyên gia, nhà khoa học (nếu có).

Ngày tháng ... năm, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số ...BKHCN-(1) lấy ý kiến các Bộ, ngành và cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) đối với ...(2)... Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ...(3) văn bản góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo ... (2) ...

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ xin gửi Quý Bộ hồ sơ ...(2)... để tổ chức thẩm định trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

Hồ sơ thẩm định gửi kèm theo bao gồm: ... (4)

1. Dự thảo....

2.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: ...

BỘ TRƯỞNG

(1) Tên viết tắt của đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản;

(2) Tên của văn bản;

(3) Số lượng ý kiến góp ý

(4) Thực hiện theo mục 2 Chương IV Quy chế này

Mẫu số 8. Dự kiến danh mục văn bản quy định chi tiết**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*V/v dự kiến danh mục văn bản quy
định chi tiết thi hành ... (1) ...

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trên cơ sở rà soát nhiệm vụ được giao quy định chi tiết tại ... (1) ..., Bộ Khoa học và Công nghệ dự kiến danh mục văn bản quy định chi tiết ... (1) ... như sau:

STT	Tên, hình thức văn bản	Nội dung giao quy định chi tiết (điều, khoản..)	Cơ quan chủ trì	Dự kiến thời gian trình
1				
2				
...				

Kính chuyển Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

BỘ TRƯỞNG

(1) Tên luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội

Mẫu số 9. Quyết định ban hành kế hoạch triển khai văn bản quy phạm pháp luật

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai ...⁽¹⁾...

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai ...⁽¹⁾...

Điều

Điều

Nơi nhận:

- Như Điều;

-

- Lưu: ...

BỘ TRƯỞNG

¹ Tên của văn bản

KẾ HOẠCH

Triển khai ... (1) ...

(Kèm theo Quyết định số..... /QĐ-BKHCN
ngày.....tháng.....nămcủa Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai ... (1) ... như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

.....

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến

a)

- Đơn vị chủ trì:
- Đơn vị phối hợp:
- Thời gian hoàn thành:

b)

- Đơn vị chủ trì:
- Đơn vị phối hợp:
- Thời gian hoàn thành:

2. Xây dựng

a)

- Đơn vị chủ trì:
- Đơn vị phối hợp:
- Thời gian hoàn thành:

b)

- Đơn vị chủ trì:
- Đơn vị phối hợp:
- Thời gian hoàn thành:

(Trong trường hợp có nhiều nhiệm vụ, các đơn vị có thể lập lập bảng Danh mục các nhiệm vụ cụ thể)

III. ... (2) ...

... . Tổ chức thực hiện

1. Vụ/Cục có trách nhiệm

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm

Trong triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

² Có thể bổ sung thêm mục theo yêu cầu triển khai văn bản trên thực tế.